

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 30/9/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Thảo.

2. Ông Nguyễn Văn Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1974.

Đăng ký thường trú tại: số 390 khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979.

Đăng ký thường trú tại: khu dân cư Đ, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày: anh và chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31/12/2002, có đăng ký tại UBND thị trấn S, huyện C (nay là phường S, thành phố C), Hải Dương. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại gia đình anh và làm nghề buôn bán. Được một thời gian, chị Q thấy công việc vất vả, không muốn làm nên vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong việc làm kinh tế và cuộc sống hàng ngày. Mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng ít nói chuyện, tình cảm lạnh nhạt. Từ tháng 1 năm 2004, chị Q về nhà bố mẹ đẻ ở phường V, thành phố C sinh sống. Anh chị sống ly thân từ đó, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Từ đó đến nay chị Q không còn liên lạc gì với anh và anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Thị Quý U, sinh ngày 15/10/2002. Hiện nay cháu U đang ở với anh và anh xin được nuôi cháu, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho chị Q. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Q. Tuy nhiên chị Q không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh D.

Ông Nguyễn Văn K là bố đẻ của anh D trình bày: Anh D và chị Q sống với nhau được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2004, chị Q về phường V sinh sống. Từ đó đến nay, chị Q không quay về chung sống với anh D, thỉnh thoảng có về thăm con. Đề nghị Tòa án cho anh chị ly hôn vì thời gian ly thân lâu, không còn tình cảm. Anh chị có 1 con chung là Nguyễn Thị Quý U, sinh ngày 15/10/2002. Hiện cháu đang ở với anh D và ông.

- Ông Nguyễn Văn T là Trưởng khu Đ, phường V đồng thời là chú ruột chị Q trình bày: bố mẹ của chị Q đều đã mất từ lâu, anh trai cả làm kinh tế ở tỉnh Quảng Ninh, anh trai thứ hai đã mất, em trai út đang lao động ở nước ngoài, nhà, đất của bố mẹ chị Q đã sang tên cho em trai chị Q. Thỉnh thoảng chị Q có về chơi vẫn ở lại nhà của anh em ở khu dân cư Đ. Những lần chị Q về chơi, ông đã thông báo cho chị Q biết việc anh D xin ly hôn và chị Q cũng đồng ý ly hôn và để anh D

nuôi con chung là cháu U. Do công việc bận nên chị không thể đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa, anh D và chị Q đều không có mặt.

Đại diện VKSND thành phố Chí Linh đề nghị ngừng phiên tòa để chờ kết quả của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an để làm căn cứ xác định thẩm quyền của Tòa án. Tuy nhiên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử nên đại diện VKS chỉ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn D khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Q có địa chỉ thường trú tại phường V, thành phố C. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh D đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2002 tại UBND thị trấn S, huyện C (nay là phường S, thành phố C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do không tìm được tiếng nói chung trong việc làm kinh tế, vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống. Năm 2004, chị Q về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư Đ, phường V sinh sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau, không liên lạc gì với nhau. Kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn, chị Q có biết được việc Tòa án giải quyết ly hôn và có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng không có mặt nên vợ chồng không có điều kiện hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân 16 năm, không còn tình cảm và không có khả năng đoàn tụ. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 1 con chung là Nguyễn Thị Quý U, sinh ngày 15/10/2002. Cháu U có nguyện vọng ở với anh D. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng của cháu U, giao cháu U cho anh D nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của anh D về việc không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh D là nguyên đơn nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Quý U, sinh ngày 15/10/2002 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D về việc không yêu cầu chị Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Chị Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh Dương đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006476 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, anh D đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Sao Đỏ, TP Chí Linh;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà